

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021, về việc " *Ly hôn, tranh chấp về con chung*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2021; giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện E, tỉnh Đ. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* **Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện E, tỉnh Đ. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021 và trong quá trình làm việc nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, tôi và ông Lê Văn T có đi đến nguyện vọng kết hôn với nhau. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 12/04/2010 tại UBND xã P, huyện E, tỉnh Đ. Việc kết hôn của vợ chồng tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống với nhau 10 năm nhưng vợ chồng thường xuyên xung đột, bất đồng quan điểm sống, không hợp tính, hay ghen

tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do đó, nguyện vọng của tôi là xin ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung, gồm cháu: Lê Thị Anh H, sinh ngày 12/9/2010 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 16/6/2015. Nguyện vọng tôi muốn nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.

**\* *Tại Bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, tôi và bà Lê Thị L có đi đến nguyện vọng kết hôn với nhau. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 12/04/2010 tại UBND xã P, huyện E tỉnh Đ. Việc kết hôn của vợ chồng tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng tôi sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, thời gian gần đây vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách. Quá trình giải quyết vụ án, tôi cho rằng trong cuộc sống gia đình ai cũng có cái sai, tôi sẽ cố gắng sửa đổi, nguyện vọng của tôi là muốn đoàn tụ gia đình để có điều kiện chăm sóc hai con. Tuy nhiên, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên tôi cũng xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là cháu: Lê Thị Anh H, sinh ngày 12/9/2010 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 16/6/2015. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, giao cháu K cho bà L chăm sóc và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Lê Văn T; Về con chung: Giao con chung cháu: Lê Thị Anh H, sinh ngày 12/9/2010 cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 16/6/2015 cho Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị L là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Lê Thị L và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/04/2010, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đ, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú, lời khai của đương sự, xác định: Quan hệ hôn nhân của bà L và ông T hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong hôn nhân, vợ chồng ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã xảy ra kéo dài và hiện nay các bên không thể hòa giải, đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L, ông T cùng có nguyện vọng xin được ly hôn, nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình để ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các bên.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là Lê Thị Anh H, sinh ngày 12/9/2010 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 16/6/2015. Nguyên đơn bà L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung; ông T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, để ông T, bà L có điều kiện thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung; đồng thời xét đến quyền lợi cho các con chung có điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt nhất, nên cần giao cháu Lê Thị Anh H cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đối với cháu Lê Minh K hiện còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ hơn, nên cần giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị L, ông Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005328, ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

**1. Về hôn nhân**: Bà Lê Thị L và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

**2. Về con chung**: Giao con chung cháu Lê Thị Anh H, sinh ngày 12/9/2010 cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 16/6/2015 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

Bà Lê Thị L, ông Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung

**3. Về tài sản chung và công nợ chung**: Các đương sự không yêu, nên không đặt ra để giải quyết.

**4. Về án phí**: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005328, ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

**5. Về quyền kháng cáo**: Bị đơn ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn bà Lê Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Trí Lý**